

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 32/TTr-SCT ngày 14 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có Danh mục và nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và:

- Thay thế thủ tục hành chính số: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15 khoản III; số 01 khoản XI mục A; số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 10, 11, 12 khoản I mục B phần I và phần II tại Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa của ngành Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số: 07, 08, 09 khoản I mục B phần I và phần II tại Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa của ngành Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Bộ Công Thương (b/c);
- Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính (Văn phòng Chính phủ);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT-TTHCC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ VÀ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH KON TUM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

**Phần I:
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

1. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân cấp huyện: 25 TTHC

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
A	Cấp tỉnh				
I	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước				
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công (70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp mới Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công (70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu	07 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành	Phí thẩm định điều kiện kinh	Nghị định số

	công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	làm việc	chính công (70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	doanh để cấp lại giấy phép sản xuất rượu công nghiệp: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
4	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công (70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	Phí thẩm định cấp Giấy phép: - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Doanh nghiệp, tổ chức: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: Doanh nghiệp, tổ chức: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công (70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	Phí thẩm định cấp Giấy phép: - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Doanh nghiệp, tổ chức: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: Doanh nghiệp, tổ chức: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
6	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công (70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	Phí thẩm định cấp Giấy phép: - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Doanh nghiệp, tổ chức: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: Doanh nghiệp, tổ chức: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ

7	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công (70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	Phí thẩm định cấp Giấy phép: - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Doanh nghiệp, tổ chức: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: Doanh nghiệp, tổ chức: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công (70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	Phí thẩm định cấp Giấy phép: - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Doanh nghiệp, tổ chức: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: Doanh nghiệp, tổ chức: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
9	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công (70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	Phí thẩm định cấp Giấy phép: - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Doanh nghiệp, tổ chức: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: Doanh nghiệp, tổ chức: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công (70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp mới Giấy	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP

			Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	ngày 05/02/2020 của Chính phủ
11	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công (70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công (70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
13	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công (70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	Phí thẩm định cấp Giấy phép: - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
14	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công (70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	Phí thẩm định cấp Giấy phép: - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ

15	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công (70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	Phí thẩm định cấp Giấy phép: - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
II Lĩnh vực Khoa học Công nghệ					
1	Cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy: 150.000 đồng/giấy đăng ký	- Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019 của Bộ Công Thương; - Quyết định 3952/QĐ-BCT, ngày 31/12/2019 của Bộ Công Thương.
B Cấp huyện: 09 TTHC					
I Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước					
1	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Phí thẩm định cấp Giấy phép: - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại các huyện: Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
2	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Phí thẩm định cấp Giấy phép:	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP

				<ul style="list-style-type: none"> - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại các huyện: Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định 	ngày 05/02/2020 của Chính phủ
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Phí thẩm định cấp Giấy phép: <ul style="list-style-type: none"> - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại các huyện: Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định 	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Phí thẩm định cấp Giấy phép: <ul style="list-style-type: none"> - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại các huyện: Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định 	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Phí thẩm định cấp Giấy phép: <ul style="list-style-type: none"> - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại các huyện: Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định 	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ

				nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại các huyện: Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	
6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Phí thẩm định cấp Giấy phép: - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại các huyện: Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
7	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp mới giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
9	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của

				nhằm mục đích kinh doanh: 1.100.000 đồng/lần thăm định/hồ sơ.	Chính phủ
--	--	--	--	---	-----------

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện: 03 TTHC

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bị bãi bỏ thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	
1	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
3	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	

Tổng cộng: 25 TTHC

Phần II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH (SỞ CÔNG THƯƠNG): 16 TTHC

I. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (15 THỦ TỤC)

01. Thủ tục: Cấp Giấy phép sản xuất Rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, P. Quyết Thắng, TP Kon Tum. - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. - Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung, trả lời cho doanh nghiệp (<i>hồ sơ gửi qua đường bưu điện</i>)</p> <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>Bước 4: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường Bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (<i>theo mẫu</i>)</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.</p> <p>- Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc bản sao một trong các giấy chứng nhận sau: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000), Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (EFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Hệ thống an toàn thực</p>

	<p>phẩm (FSSC 22000).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp. - Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà doanh nghiệp sản xuất hoặc dự kiến sản xuất. - Bản sao bằng cấp, giấy chứng nhận chuyên môn và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của cán bộ kỹ thuật. <p>b/ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện:	Sở Công Thương tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp quy mô dưới 3 triệu lít/năm
Phí, Lệ phí:	- Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp mới Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp. Mức thu: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (<i>Mẫu số 01 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật - Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất. - Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định. - Bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định. - Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa rượu. - Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

(1)

Kính gửi: (2)

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị (2) xem xét cấp Giấy phép (1) cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu: (3)

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: (4)

Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau: (5)

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:.....

Được phép bán lẻ rượu, tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

..... (5)

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố:

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

..... (5)

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

..... (6) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số .../2020/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh

vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))

Chú thích:

- (1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu
- (2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.
- (3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).
- (5): Ghi rõ tên, địa chỉ.
- (6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

02. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, P. Quyết Thắng, TP Kon Tum. - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật). <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>Bước 4: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường Bưu điện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung (theo mẫu); - Bản sao giấy phép đã được cấp; - Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung. <p>b/ Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời gian giải quyết:	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện:	Sở Công Thương tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Giấy phép
Phí, Lệ phí:	- Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp. Mức thu: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (Mẫu số 02 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020);
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật - Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất. - Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định. - Bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định. - Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa rượu. - Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép ... (1)...

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại:Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số.....do..... cấp ngàytháng..... năm.....;

Giấy phép⁽¹⁾..... đã được cấp số..... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép⁽¹⁾..... đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) sốdo..... cấp ngày..... tháng..... năm

.....⁽³⁾..... đề nghị⁽²⁾.....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép.....⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:

1. Sửa đổi:

Thông tin cũ:

Thông tin mới:⁽⁴⁾.....

2. Bổ sung:⁽⁴⁾.....

.....⁽³⁾..... xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số .../2020/NĐ-CP ngày...tháng.... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

03. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, P. Quyết Thắng, TP Kon Tum. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>Bước 4: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường Bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * <i>Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:</i> Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. - Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại đối với quy định lại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới (<i>TTHC số 01, khoản I, mục A của quyết định này</i>). * <i>Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:</i> - Đơn đề nghị cấp lại (<i>theo mẫu</i>) - Bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có); <p>b/ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện:	Sở Công Thương tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu công nghiệp quy mô dưới 3 triệu lít/năm.
Phí, Lệ phí:	- Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp lại giấy phép sản xuất rượu công nghiệp. Mức thu: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (<i>Mẫu số 03 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật - Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất. - Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định. - Bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định. - Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa rượu. - Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.

Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none">- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia;- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ.- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.
------------------------	--

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại giấy phép(1).....
(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:
Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại:..... Fax:
Địa điểm sản xuất/kinh doanh:..... Điện thoại:..... Fax:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày... tháng... năm...;
Giấy phép⁽¹⁾..... đã được cấp số.... do ... cấp ngày ... tháng... năm ...
Giấy phép...⁽¹⁾.....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số
do..... cấp ngày..... tháng..... năm
.....⁽³⁾..... đề nghị⁽²⁾..... xem xét cấp lại Giấy phép
.....⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:⁽⁴⁾..
.....⁽³⁾.....xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số/2020/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Lý do xin cấp lại.

04. Thủ tục: Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, P. Quyết Thắng, Tp. Kon Tum. - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật). <p>Bước 2: Cán bộ kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường Bưu điện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu (<i>theo mẫu</i>). - Bản sao Giấy, chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. - Tài liệu về hệ thống bán buôn rượu gồm một trong hai loại sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống phân phối rượu kèm bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn rượu; + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp để kinh doanh rượu. - Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất trong nước, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác, trong đó ghi rõ các loại rượu dự kiến kinh doanh phù hợp với hoạt động của thương nhân sản xuất, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác; + Bản sao Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép phân phối hoặc Giấy phép bán buôn rượu của các nhà cung cấp rượu. - 01 phong bì có tem, ghi rõ địa chỉ (hồ sơ nhận qua đường bưu điện). <p>b/ Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời gian giải quyết:	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân bán buôn sản phẩm rượu
Cơ quan thực hiện:	Sở Công thương tỉnh Kon Tum

Kết quả:	Giấy phép bán buôn rượu.
Phí, Lệ phí:	Phí thẩm định cấp Giấy phép: - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Doanh nghiệp, tổ chức: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: Doanh nghiệp, tổ chức: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu (<i>mẫu số 01 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	a. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật. b. Có hệ thống bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính với ít nhất 01 thương nhân bán lẻ rượu. Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính để kinh doanh rượu thì không cần có xác nhận của thương nhân bán lẻ rượu c. Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu khác.
Căn cứ pháp lý:	- <i>Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia;</i> - <i>Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ</i> - <i>Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ</i> - <i>Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.</i>

Mẫu số 01*(Nghị định Số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

(1)

Kính gửi: (2)

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do..... cấp ngày..... tháng năm

Đề nghị..... (2) xem xét cấp Giấy phép..... (1), cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu: (3)

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: (4)

Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau: (5)

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

Được phép bán lẻ rượu, tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

..... (5)

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố:

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

..... (5)

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

..... (6) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ

sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾ : Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu

⁽²⁾ : Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾ : Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾ : Ghi công suất thiết kế, đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

⁽⁵⁾ : Ghi rõ tên, địa chỉ.

⁽⁶⁾ : Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

05. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, P. Quyết Thắng, Tp. Kon Tum. - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật). <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường Bưu điện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao Giấy phép đã được cấp; - Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung; - 01 phong bì có tem, ghi rõ địa chỉ (hồ sơ nhận qua đường bưu điện). <p>b/ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện:	Sở Công thương tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Giấy phép bán buôn rượu (sửa đổi, bổ sung)
Phí, Lệ phí:	<p>Phí thẩm định cấp Giấy phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Doanh nghiệp, tổ chức: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: Doanh nghiệp, tổ chức: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu (<i>Mẫu số 02 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> a. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật b. Có hệ thống bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính với ít nhất 01 thương nhân bán lẻ rượu. Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính để kinh doanh rượu thì không cần có xác nhận của thương nhân bán lẻ rượu.

	c. Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu khác.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

Mẫu số 02

(Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép ... (1)...

Kính gửi: (2)

Tên thương nhân:
 Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:.....
 Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.....
 Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số , do cấp ngày tháng..... năm;
 Giấy phép..... (1) đã được cấp số... do cấp ngày ... tháng ... năm ...
 Giấy phép (1) đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày..... tháng năm
 (3) đề nghị (2)xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép..... (1), với lý do cụ thể như sau:

1. Sửa đổi:
 Thông tin cũ:
 Thông tin mới: (4)

2. Bổ sung: (4)
 (3) xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số .../2020/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

(1) : Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

(2) : Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3) : Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4) : Nội dung sửa đổi, bổ sung.

06. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, P. Quyết Thắng, Tp. Kon Tum. - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật). <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Chuyên phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường Bưu điện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * <i>Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:</i> Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. - Thành phần: hồ sơ, cấp lại trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới (<i>TTHC số 04, khoản I, mục A quyết định này</i>). * <i>Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:</i> - Đơn đề nghị cấp lại (<i>theo mẫu</i>). - Bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có); - 01 phong bì có tem, ghi rõ địa chỉ (hồ sơ nhận qua đường bưu điện). <p><i>Ghi chú:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan cấp giấy phép căn cứ vào hồ sơ đã lưu và hồ sơ đề nghị cấp lại của thương nhân để cấp lại giấy phép; - Thời hạn của giấy phép sẽ được giữ nguyên như cũ. <p>b/ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân bán buôn rượu
Cơ quan thực hiện:	Sở Công thương tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Giấy phép bán buôn rượu (Cấp lại)
Phí, Lệ phí:	<p>Phí thẩm định cấp Giấy phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Doanh nghiệp, tổ chức: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: Doanh nghiệp, tổ chức: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn rượu (<i>Mẫu số 03 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	<p>a. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật</p> <p>b. Có hệ thống bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính với ít nhất 01 thương nhân bán lẻ rượu. Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính để kinh doanh rượu thì không cần có xác nhận của thương nhân bán lẻ rượu.</p> <p>c. Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu khác.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

Mẫu số 03*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại giấy phép⁽¹⁾.....
(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)

Kính gửi:.....⁽²⁾.....

Tên thương nhân:
Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:.....
Địa điểm sản xuất/kinh doanh:Điện thoại: Fax:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng năm;
Giấy phép.....⁽¹⁾... đã được cấp số..... do cấp ngày tháng năm
Giấy phép...⁽¹⁾... đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày tháng năm
.....⁽³⁾..... đề nghị ..⁽²⁾..... xem xét cấp lại Giấy phép.....⁽¹⁾..., với lý do cụ thể như sau:..⁽⁴⁾ ..
.....⁽³⁾..... xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

- ⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.
⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.
⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.
⁽⁴⁾: Lý do xin cấp lại.

07. Thủ tục: Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, P. Quyết Thắng, Tp. Kon Tum. - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật). <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường Bưu điện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế; - Bản sao văn bản giới thiệu của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá, trong đó ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh. - Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu đã kinh doanh) của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn; - 01 phong bì có tem, ghi rõ địa chỉ (hồ sơ nhận qua đường bưu điện hoặc dịch vụ công trực tuyến). <p>b/ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Thương nhân
Cơ quan thực hiện:	Sở Công thương tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
Phí, Lệ phí:	<p>Phí thẩm định cấp Giấy phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Doanh nghiệp, tổ chức: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: Doanh nghiệp, tổ chức: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (<i>Phụ lục 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018</i>)

Yêu cầu, điều kiện:	<p>a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012. (<i>Chi tiết tại phụ lục kèm theo</i>).</p> <p>c) Có hệ thống bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 02 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trở lên);</p> <p>d) Có văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương

Phụ lục 21*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***TÊN THƯƠNG NHÂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Sở Công Thương(1)

1. Tên thương nhân:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
 Đề nghị Sở Công Thương(1) xem xét cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, cụ thể:
 6. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:
 - Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:.....(2)
 - Để tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh, thành phố.....(1)
 7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:.....(3)
(tên thương nhân)...xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân*(họ và tên, ký tên, đóng dấu)***Chú thích:**

- (1): Ghi rõ tên tỉnh, thành phố nơi thương nhân dự định xin phép để kinh doanh.
- (2): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá; các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá khác (nếu có).
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

Phu lục:

Khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012. Cụ thể: Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được tổ chức, cho phép hoặc bán thuốc lá tại các địa điểm quy định tại Điều 11, Điều 12, trừ điểm a khoản 1 Điều 12 của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012; không được bán thuốc lá phía ngoài cổng nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, viện nghiên cứu y học, bệnh viện, nhà hộ sinh, trung tâm y tế dự phòng, trạm y tế xã, phường, thị trấn trong phạm vi 100 mét (m) tính từ ranh giới khuôn viên gần nhất của cơ sở đó.

Điều 11. Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn

1. Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà và trong phạm vi khuôn viên bao gồm:

- a) Cơ sở y tế;
- b) Cơ sở giáo dục, trừ các cơ sở quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;
- c) Cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành riêng cho trẻ em;
- d) Cơ sở hoặc khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao.

2. Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà bao gồm:

- a) Nơi làm việc;
- b) Trường cao đẳng, đại học, học viện;
- c) Địa điểm công cộng, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 1 Điều 12 của Luật này.

3. Phương tiện giao thông công cộng bị cấm hút thuốc lá hoàn toàn bao gồm ô tô, tàu bay, tàu điện.

Điều 12. Địa điểm cấm hút thuốc lá trong nhà nhưng được phép có nơi dành riêng cho người hút thuốc lá

1. Địa điểm cấm hút thuốc lá trong nhà nhưng được phép có nơi dành riêng cho người hút thuốc lá bao gồm:

- a) Khu vực cách ly của sân bay;
- b) Quán bar, karaoke, vũ trường, khách sạn và cơ sở lưu trú du lịch;
- c) Phương tiện giao thông công cộng là tàu thủy, tàu hỏa.

2. Nơi dành riêng cho người hút thuốc lá phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

- a) Có phòng và hệ thống thông khí tách biệt với khu vực không hút thuốc lá;
- b) Có dụng cụ chứa các mẫu, tàn thuốc lá; có biển báo tại các vị trí phù hợp, dễ quan sát;
- c) Có thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

3. Khuyến khích người đứng đầu địa điểm quy định tại khoản 1 Điều này tổ chức thực hiện việc không hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà.

08. Thủ tục: *Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, P. Quyết Thắng, Tp. Kon Tum. - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật). <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường Bưu điện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao Giấy phép bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá đã được cấp; - Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung; - Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; - 01 phong bì có tem, ghi rõ địa chỉ (hồ sơ nhận qua đường bưu điện). <p>b/ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Thương nhân
Cơ quan thực hiện:	Sở Công thương tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung)
Phí, Lệ phí:	<p>Phí thẩm định cấp Giấy phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Doanh nghiệp, tổ chức: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: Doanh nghiệp, tổ chức: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (<i>Phụ lục 44 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật; b) Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012. (<i>Chi tiết tại phụ lục kèm theo</i>).

	<p>c) Có hệ thống bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 02 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trở lên);</p> <p>d) Có văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;</p> <p>đ) Có yêu cầu sửa, đổi bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp theo quy định.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương

Phụ lục 44*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***TÊN THƯƠNG NHÂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Sở Công Thương

1. Tên thương nhân :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do..... cấp
đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày
..... tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
- Tên:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Sở Công Thương cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
số.....ngày..... tháng.....năm.....
7. Đã được Sở Công Thương cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (sửa
đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày thángnăm(nếu đã có)(1)....
...(ghi rõ tên thương nhân)... kính đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp sửa đổi,
bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc
vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị
dưới đây):
8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng
ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)
Thông tin cũ:..... Thông tin mới:.....
9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:
Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và
của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:
.....(2)
Để tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh, thành phố
10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:
a) Đề nghị sửa đổi:
Thông tin cũ:.....
Thông tin mới:.....(3)
b) Đề nghị bổ sung:
.....(4)
.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại
Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi
tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh

doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).
- (2): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- (4): Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

Phu lục:

Khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012. Cụ thể: Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được tổ chức, cho phép hoặc bán thuốc lá tại các địa điểm quy định tại Điều 11, Điều 12, trừ điểm a khoản 1 Điều 12 của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012; không được bán thuốc lá phía ngoài cổng nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, viện nghiên cứu y học, bệnh viện, nhà hộ sinh, trung tâm y tế dự phòng, trạm y tế xã, phường, thị trấn trong phạm vi 100 mét (m) tính từ ranh giới khuôn viên gần nhất của cơ sở đó.

Điều 11. Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn

1. Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà và trong phạm vi khuôn viên bao gồm:

- a) Cơ sở y tế;
- b) Cơ sở giáo dục, trừ các cơ sở quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;
- c) Cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành riêng cho trẻ em;
- d) Cơ sở hoặc khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao.

2. Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà bao gồm:

- a) Nơi làm việc;
- b) Trường cao đẳng, đại học, học viện;
- c) Địa điểm công cộng, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 1 Điều 12 của Luật này.

3. Phương tiện giao thông công cộng bị cấm hút thuốc lá hoàn toàn bao gồm ô tô, tàu bay, tàu điện.

Điều 12. Địa điểm cấm hút thuốc lá trong nhà nhưng được phép có nơi dành riêng cho người hút thuốc lá

1. Địa điểm cấm hút thuốc lá trong nhà nhưng được phép có nơi dành riêng cho người hút thuốc lá bao gồm:

- a) Khu vực cách ly của sân bay;
- b) Quán bar, karaoke, vũ trường, khách sạn và cơ sở lưu trú du lịch;
- c) Phương tiện giao thông công cộng là tàu thủy, tàu hỏa.

2. Nơi dành riêng cho người hút thuốc lá phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

- a) Có phòng và hệ thống thông khí tách biệt với khu vực không hút thuốc lá;
- b) Có dụng cụ chứa các mẫu, tàn thuốc lá; có biển báo tại các vị trí phù hợp, dễ quan sát;
- c) Có thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

3. Khuyến khích người đứng đầu địa điểm quy định tại khoản 1 Điều này tổ chức thực hiện việc không hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà.

09. Thủ tục: *Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, P. Quyết Thắng, Tp. Kon Tum. - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật). <p>Bước 2: Cán bộ kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * <i>Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, hồ sơ bao gồm:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp lại (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có). - Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. - 01 phong bì có tem, ghi rõ địa chỉ (hồ sơ nhận qua đường bưu điện). * <i>Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá hết thời hạn hiệu lực:</i> Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh. <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế; - Bản sao các văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh. - Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu đã kinh doanh) của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn; - Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. <p>b/ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Đối tượng thực hiện:	Thương nhân
Cơ quan thực hiện:	Sở Công thương tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (Cấp lại)
Phí, Lệ phí:	Phí thẩm định cấp Giấy phép: - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Doanh nghiệp, tổ chức: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: Doanh nghiệp, tổ chức: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (<i>Phụ lục 50 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018</i>) - Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá hết thời hạn hiệu lực: Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (<i>Phụ lục 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật; b) Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012. (<i>Chi tiết tại phụ lục kèm theo</i>). c) Có hệ thống bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 02 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trở lên); d) Có văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh; đ) Có yêu cầu cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá theo quy định.
Căn cứ pháp lý:	- <i>Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</i> - <i>Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/11/2018 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;</i> - <i>Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công thương;</i> - <i>Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.</i> - <i>Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương</i>

Phụ lục 50*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /... .., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: Sở Công Thương...

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày..... tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Sở Công Thương cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được Sở Công Thương cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho..... (nếu có).
8. ...(ghi rõ tên thương nhân)... kính đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, với lý do (1).....
(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
 (họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

Phụ lục 21*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***TÊN THƯƠNG NHÂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Sở Công Thương(1)

1. Tên thương nhân:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
 Đề nghị Sở Công Thương(1) xem xét cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, cụ thể:
 6. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:
 - Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:.....(2)
 - Đề tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh, thành phố.....(1)
 7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:.....(3)
(tên thương nhân)...xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân*(họ và tên, ký tên, đóng dấu)**Chú thích:*

- (1): Ghi rõ tên tỉnh, thành phố nơi thương nhân dự định xin phép để kinh doanh.
- (2): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá; các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá khác (nếu có).
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

Phu lục:

Khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012. Cụ thể: Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được tổ chức, cho phép hoặc bán thuốc lá tại các địa điểm quy định tại Điều 11, Điều 12, trừ điểm a khoản 1 Điều 12 của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012; không được bán thuốc lá phía ngoài cổng nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, viện nghiên cứu y học, bệnh viện, nhà hộ sinh, trung tâm y tế dự phòng, trạm y tế xã, phường, thị trấn trong phạm vi 100 mét (m) tính từ ranh giới khuôn viên gần nhất của cơ sở đó.

Điều 11. Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn

1. Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà và trong phạm vi khuôn viên bao gồm:

- a) Cơ sở y tế;
- b) Cơ sở giáo dục, trừ các cơ sở quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;
- c) Cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành riêng cho trẻ em;
- d) Cơ sở hoặc khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao.

2. Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà bao gồm:

- a) Nơi làm việc;
- b) Trường cao đẳng, đại học, học viện;
- c) Địa điểm công cộng, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 1 Điều 12 của Luật này.

3. Phương tiện giao thông công cộng bị cấm hút thuốc lá hoàn toàn bao gồm ô tô, tàu bay, tàu điện.

Điều 12. Địa điểm cấm hút thuốc lá trong nhà nhưng được phép có nơi dành riêng cho người hút thuốc lá

1. Địa điểm cấm hút thuốc lá trong nhà nhưng được phép có nơi dành riêng cho người hút thuốc lá bao gồm:

- a) Khu vực cách ly của sân bay;
- b) Quán bar, karaoke, vũ trường, khách sạn và cơ sở lưu trú du lịch;
- c) Phương tiện giao thông công cộng là tàu thủy, tàu hỏa.

2. Nơi dành riêng cho người hút thuốc lá phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

- a) Có phòng và hệ thống thông khí tách biệt với khu vực không hút thuốc lá;
- b) Có dụng cụ chứa các mẫu, tàn thuốc lá; có biển báo tại các vị trí phù hợp, dễ quan sát;
- c) Có thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

3. Khuyến khích người đứng đầu địa điểm quy định tại khoản 1 Điều này tổ chức thực hiện việc không hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà.

10. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, P. Quyết Thắng, Tp. Kon Tum. - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật). <p>Bước 2: Cán bộ kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Chuyên phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (<i>Bản chính-theo mẫu</i>); - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; - Bản sao Hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá và Bảng kê tổng hợp diện tích trồng cây thuốc lá, dự kiến sản lượng nguyên liệu là thuốc lá (<i>Bản chính - theo mẫu</i>); - Bản kê danh sách người trồng cây thuốc lá, địa điểm, diện tích có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (<i>Bản chính - theo mẫu</i>). <p>b/ Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời gian giải quyết:	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Thương nhân
Cơ quan thực hiện:	Sở Công Thương tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Giấy chứng nhận
Phí, Lệ phí:	Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (<i>Phụ lục 4 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018</i>). - Bảng kê tổng hợp diện tích trồng cây thuốc lá, dự kiến sản lượng nguyên liệu là thuốc lá (<i>Phụ lục 5 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018</i>). - Bản kê danh sách người trồng cây thuốc lá, địa điểm, diện tích có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (<i>Phụ lục 6 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018</i>).

Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá; - Có quy mô đầu tư trồng cây thuốc lá tại địa phương ít nhất 100 ha mỗi năm; - Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh;
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</i> - <i>Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;</i> - <i>Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương;</i> - <i>Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương.</i> - <i>Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.</i>

PHỤ LỤC 4*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...
, ngày..... tháng..... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY THUỐC
LÁ

Kính gửi:(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....;
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do.....cấp ngày.....tháng.....năm.....
4. Đề nghị(1) xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trồng cây thuốc lá, cụ thể như sau:
 - Loại cây thuốc lá:.....(2); Diện tích trồng cây thuốc lá.....(ha)
 - Địa điểm trồng cây thuốc lá:.....
 - Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....
(3) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận.
- (2): Ghi cụ thể các loại cây thuốc lá (ví dụ: thuốc lá vàng sáy, thuốc lá Burley, thuốc lá Nâu...)
- (3): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

PHỤ LỤC 5*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /... , ngày..... tháng..... năm 20...

BẢNG KÊ
DỰ KIẾN DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG CỦA DOANH NGHIỆP
ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY THUỐC LÁ

Số TT	Loại cây thuốc lá	Địa điểm trồng cây thuốc lá (1)	Diện tích (ha)	Năng suất (tấn/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Thuốc lá vàng sậy				
2	Thuốc lá Burley				
3	Thuốc lá Nâu				
...	Thuốc lá....				
Tổng cộng					

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên xã, huyện, tỉnh nơi dự kiến trồng cây thuốc lá.

PHỤ LỤC 6*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***TÊN DOANH NGHIỆP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**BẢNG KÊ
DANH SÁCH NGƯỜI TRỒNG CÂY THUỐC LÁ**

Số TT	Tên người trồng cây thuốc lá	Hộ khẩu thường trú	Loại cây thuốc lá	Địa điểm trồng cây thuốc lá(1)	Diện tích (ha)
1	Nguyễn Văn A		Thuốc lá vàng sậy		
			Thuốc lá Burley		
			Thuốc lá Nâu		
			Thuốc lá....		
2	Nguyễn Văn B		Thuốc lá vàng sậy		
			Thuốc lá Burley		
			Thuốc lá Nâu		
			Thuốc lá....		
...	...				
Tổng cộng					

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký tên và đóng dấu)

Xác nhận của UBND cấp xã
(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên xã, huyện, tỉnh nơi trồng cây thuốc lá.

11. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, P. Quyết Thắng, Tp. Kon Tum. - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật). <p>Bước 2: Cán bộ kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (<i>Bản chính - theo mẫu</i>); - Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá; - Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung. <p>b/ Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời gian giải quyết:	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Thương nhân
Cơ quan thực hiện:	Sở Công Thương tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...)
Phí, Lệ phí:	Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (<i>phụ lục 26, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá; - Có quy mô đầu tư trồng cây thuốc lá tại địa phương ít nhất 100 ha mỗi năm; - Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh;
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương;- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương.- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.
--	---

12. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, P. Quyết Thắng, Tp. Kon Tum. - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật). <p>Bước 2: Cán bộ kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * <i>Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực:</i> Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh. - Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới (<i>TTHC số 10, khoản I, mục A quyết định này</i>). * <i>Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:</i> - Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (<i>Bản chính - theo mẫu</i>) - Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá đã được cấp (nếu có). <p>b/ Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời gian giải quyết:	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Thương nhân
Cơ quan thực hiện:	Sở Công Thương tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (cấp lại lần thứ....)
Phí, Lệ phí:	Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (<i>Phụ lục 34, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	- Có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá;

	<ul style="list-style-type: none"> - Có quy mô đầu tư trồng cây thuốc lá tại địa phương ít nhất 100 ha mỗi năm; - Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh;
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.

13. Thủ tục: *Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, P. Quyết Thắng, Tp. Kon Tum. - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật). <p>Bước 2: Cán bộ kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (<i>theo mẫu</i>) - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. - Bảng kê diện tích, sơ đồ kho tàng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác. - Bản sao hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ Điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá. - 01 phong bì có tem, ghi rõ địa chỉ (hồ sơ nhận qua đường bưu điện). <p>b/ Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời gian giải quyết:	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện:	Sở Công thương tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
Phí, Lệ phí:	<p>Phí thẩm định cấp Giấy phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (<i>Phụ lục 8 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật. 2. Có hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc

	<p>lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ Điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá. Doanh nghiệp có Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá chỉ được nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá cho các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/11/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương.

Phụ lục 8*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /... , ngày..... tháng..... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP MUA BÁN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

Kính gửi:(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....;
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:.....Fax:.....;
3. Văn phòng đại diện (nếu có).....Điện thoại.....Fax.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....
5. Đề nghị(1) xem xét cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, cụ thể như sau:

- Loại nguyên liệu thuốc lá:.....(2)
- Được phép nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá của các doanh nghiệp:.....(3)
- Những hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....

.....(4) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép
- (2): Ghi cụ thể các loại nguyên liệu thuốc lá (ví dụ: lá thuốc lá, sợi thuốc lá, thuốc lá tẩm, lá tách cọng...).
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các doanh nghiệp ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu.
- (4): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép

14. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, P. Quyết Thắng, Tp. Kon Tum. - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật). <p>Bước 2: Cán bộ kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (<i>theo mẫu</i>). - Bản sao Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp; - Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung. - 01 phong bì có tem, ghi rõ địa chỉ (hồ sơ nhận qua đường bưu điện). <p>b/ Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời gian giải quyết:	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện:	Sở Công thương tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (sửa đổi, bổ sung)
Phí, Lệ phí:	<p>Phí thẩm định cấp Giấy phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (<i>Phụ lục 28 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2019</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật. 2. Đã được cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá. 3. Có hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ Điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá. Doanh nghiệp có Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá chỉ được nhập khẩu ủy

	<p>thác nguyên liệu thuốc lá cho các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ Điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá.</p> <p>4. Có thay đổi thông tin trên Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/11/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương.

Phụ lục 28*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***TÊN DOANH NGHIỆP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP MUA BÁN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

Kính gửi:(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....
 2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....;
 3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....
 4. Đã được.....(1) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá số...ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu có).....(2)
 5. Đề nghị(1) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá với nội dung sau (*tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp*):
 - Thông tin cũ:.....(3)
 - Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....
 - Lý do sửa đổi, bổ sung:.....
 - Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....(4)
-(5) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp*(ký tên và đóng dấu)**Chú thích:*

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép.
- (2): Nếu đã được cấp sửa đổi, bổ sung thì ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy.
- (3): Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung ghi trong Giấy phép cũ.
- (4): Hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung.
- (5): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép.

15. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, P. Quyết Thắng, Tp. Kon Tum. - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật). <p>Bước 2: Cán bộ kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Trường hợp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (theo mẫu) - Bản sao Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp (nếu có) - 01 phong bì có tem, ghi rõ địa chỉ (hồ sơ nhận qua đường bưu điện). * Trường hợp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá hết thời hạn hiệu lực: Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh. <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới (TTHC số 13, khoản I, mục A của quyết định này). - 01 phong bì có tem, ghi rõ địa chỉ (hồ sơ nhận qua đường bưu điện). <p>b/ Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời gian giải quyết:	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện:	Sở Công thương tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (Cấp lại)
Phí, Lệ phí:	<p>Phí thẩm định cấp Giấy phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (Phụ lục 36 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018).

Yêu cầu, điều kiện:	<p>1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Có hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ Điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá. Doanh nghiệp có Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá chỉ được nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá cho các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ Điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/11/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương

Phụ lục 36*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***TÊN DOANH NGHIỆP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP MUA BÁN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ***(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy)*

Kính gửi:(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....
4. Đã được.....(1) cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá số...ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu có).....(2)
5. Đề nghị(1) xem xét cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá với lý do sau:.....(3)

Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....(4)

.....(5) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp*(ký tên và đóng dấu)***Chú thích:**

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép.
- (2): Nếu Giấy phép đã được cấp sửa đổi, bổ sung thì ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy
- (3): Ghi rõ lý do đề nghị cấp lại Giấy phép.
- (4): Hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị cấp lại Giấy phép.
- (5): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy phép

II. LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ (01 THỦ TỤC)

01. Thủ tục: *Cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy*

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1: Khi công bố hợp quy, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu phải đăng ký bản công bố hợp quy tại Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu. Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, P. Quyết Thắng, Tp. Kon Tum. - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật). <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. - Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. <p>Bước 3: Chuyên phòng chuyên môn xử lý. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố hợp quy, cơ quan chuyên ngành thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định tới tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. Sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan chuyên ngành gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy định, cơ quan chuyên ngành có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a. Thành phần hồ sơ:</p> <p>* <i>Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân (bên thứ nhất), hồ sơ công bố hợp quy bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản công bố hợp quy (<i>theo mẫu</i>); - Báo cáo tự đánh giá gồm các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tên tổ chức, cá nhân; địa chỉ; điện thoại, fax; + Tên sản phẩm, hàng hóa; + Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật; + Kết luận sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật; + Cam kết chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá. <p>Báo cáo tự đánh giá dựa trên kết quả tự thực hiện của tổ chức,</p>

	<p>cá nhân hoặc dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký.</p> <p>* <i>Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định (bên thứ ba), hồ sơ công bố hợp quy bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản công bố hợp quy (theo mẫu); - Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân. <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời gian giải quyết:	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Sở Công Thương tỉnh Kon Tum
Kết quả	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy
Phí, Lệ phí	Lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy: 150.000 đồng/giấy đăng ký.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Bản công bố hợp quy (Mẫu 2. CBHC/HQ Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và nội dung bổ sung quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư 02/2017/TT-BKHCN).
Yêu cầu, điều kiện	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đối tượng của công bố hợp quy là sản phẩm, hàng hóa được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Công Thương ban hành. Công bố hợp quy là hoạt động bắt buộc được quy định tại Điều 48 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. 2. Việc công bố hợp quy dựa trên một trong các biện pháp sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân (sau đây viết tắt là kết quả tự đánh giá). b) Kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký lĩnh vực hoạt động hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật. c) Kết quả chứng nhận, kiểm định của tổ chức chứng nhận, kiểm định được Bộ Công Thương chỉ định. <p>Việc thử nghiệm phục vụ chứng nhận, kiểm định được thực hiện tại tổ chức thử nghiệm đã đăng ký lĩnh vực hoạt động hoặc được thừa nhận hoặc được chỉ định theo quy định của pháp luật.</p> <ol style="list-style-type: none"> 3. Trong trường hợp sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài, tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài phải được thừa nhận theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chỉ định. 4. Trường hợp các sản phẩm, hàng hóa chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, việc quản lý chất lượng được dựa trên cơ sở tiêu chuẩn công bố áp dụng và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành cho đến khi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho sản phẩm, hàng hóa đó được ban hành và có hiệu lực thi hành 5. Khi công bố hợp quy, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu phải đăng ký bản công bố hợp quy tại Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007; - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, ngày 15/5/2018 của Chính phủ;

	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ;- Nghị định số 78/2018/NĐ-CP, ngày 16/5/2018 của Chính phủ;- Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019 của Bộ Công Thương;- Thông tư số 33/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương;- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ;- Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ;- Thông tư số 183/2016/TT-BTC, ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;
--	---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY
Số

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail:

CÔNG BỐ:

Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...*)

.....

Phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)

.....

Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp chuẩn/hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...*):

.....

Loại hình đánh giá:

+ Tổ chức chứng nhận đánh giá (bên thứ ba): Tên tổ chức chứng nhận /tổ chức chứng nhận được chỉ định, số giấy chứng nhận, ngày cấp giấy chứng nhận;

+ Tự đánh giá (bên thứ nhất): Ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận Báo cáo tự đánh giá.

.....(Tên tổ chức, cá nhân) cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của (sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường)..... do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

....., ngày tháng năm

Đại diện Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA UBND CẤP HUYỆN: 9 TTHC**

I. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (9 THỦ TỤC)

01. Thủ tục: Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp huyện hoặc qua mạng điện tử (dịch vụ công trực tuyến)</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử (dịch vụ công trực tuyến)
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế; - Bản sao các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh <p>b/ Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gửi Phòng Kinh tế hạ tầng huyện hoặc Phòng Kinh tế thành phố; thương nhân lưu 01 bộ).</p>
Thời gian giải quyết:	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá
Cơ quan thực hiện:	UBND cấp huyện (<i>Phòng kinh tế thành phố hoặc phòng kinh tế hạ tầng các huyện</i>).
Kết quả:	Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
Phí, Lệ phí:	<p>Phí thẩm định cấp Giấy phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại các huyện: Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (<i>Phụ lục 23 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018</i>).

Yêu cầu, điều kiện:	<p>a) Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012; (<i>Chi tiết tại phụ lục kèm theo</i>).</p> <p>c) Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/11/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương.

Phụ lục 23*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /... .., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: Phòng Công Thương (1)(2)

1. Tên thương nhân:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có)

- Tên:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Phòng Công Thương (1).....(2) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(3)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(4).....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...(4) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và

xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(*họ và tên, ký tên, đóng dấu*)

Chú thích:

- (1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)
- (2) Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (4): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

Phu lục:

Khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012. Cụ thể: Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được tổ chức, cho phép hoặc bán thuốc lá tại các địa điểm quy định tại Điều 11, Điều 12, trừ điểm a khoản 1 Điều 12 của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012; không được bán thuốc lá phía ngoài cổng nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, viện nghiên cứu y học, bệnh viện, nhà hộ sinh, trung tâm y tế dự phòng, trạm y tế xã, phường, thị trấn trong phạm vi 100 mét (m) tính từ ranh giới khuôn viên gần nhất của cơ sở đó.

Điều 11. Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn

1. Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà và trong phạm vi khuôn viên bao gồm:

- a) Cơ sở y tế;
- b) Cơ sở giáo dục, trừ các cơ sở quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;
- c) Cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành riêng cho trẻ em;
- d) Cơ sở hoặc khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao.

2. Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà bao gồm:

- a) Nơi làm việc;
- b) Trường cao đẳng, đại học, học viện;
- c) Địa điểm công cộng, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 1 Điều 12 của Luật này.

3. Phương tiện giao thông công cộng bị cấm hút thuốc lá hoàn toàn bao gồm ô tô, tàu bay, tàu điện.

Điều 12. Địa điểm cấm hút thuốc lá trong nhà nhưng được phép có nơi dành riêng cho người hút thuốc lá

1. Địa điểm cấm hút thuốc lá trong nhà nhưng được phép có nơi dành riêng cho người hút thuốc lá bao gồm:

- a) Khu vực cách ly của sân bay;
- b) Quán bar, karaoke, vũ trường, khách sạn và cơ sở lưu trú du lịch;
- c) Phương tiện giao thông công cộng là tàu thủy, tàu hỏa.

2. Nơi dành riêng cho người hút thuốc lá phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

- a) Có phòng và hệ thống thông khí tách biệt với khu vực không hút thuốc lá;
- b) Có dụng cụ chứa các mẫu, tàn thuốc lá; có biển báo tại các vị trí phù hợp, dễ quan sát;
- c) Có thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

3. Khuyến khích người đứng đầu địa điểm quy định tại khoản 1 Điều này tổ chức thực hiện việc không hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà.

02. Thủ tục: *Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp huyện hoặc qua mạng điện tử (dịch vụ công trực tuyến)</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.</p> <p>Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử (dịch vụ công trực tuyến)
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ thuốc lá (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp; - Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung. <p>b/ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá
Cơ quan thực hiện:	UBND cấp huyện (<i>Phòng kinh tế thành phố hoặc phòng kinh tế hạ tầng các huyện</i>).
Kết quả:	Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung)
Phí, Lệ phí:	<p>Phí thẩm định cấp Giấy phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại các huyện: Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (<i>Phụ lục 46, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> a) Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật; b) Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012; (<i>Chi tiết tại phụ lục kèm theo</i>). c) Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến

	<p>kinh doanh;</p> <p>d) Có yêu cầu sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ thuốc lá đã được cấp theo quy định.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/11/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương.

Phụ lục 46*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: Phòng Công Thương...(1)

1. Tên thương nhân :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....
7. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày thángnăm(nếu đã có).....(2)....
...(ghi rõ tên thương nhân)...(3) kính đề nghị Phòng Công Thương xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):
8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...), chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....
9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:
 - Được phép mua sản phẩm thuốc lá của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:
(4)
 - Để tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:
(5)
10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:
 - a) Đề nghị sửa đổi:
 Thông tin cũ:.....
 Thông tin mới:.....(5)
 - b) Đề nghị bổ sung:
(6)

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...⁽⁴⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)
- (2): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).
- (3): Tên Thương nhân.
- (4): Ghi rõ tên, địa chỉ thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- (6) Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

Phu lục:

Khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012. Cụ thể: Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được tổ chức, cho phép hoặc bán thuốc lá tại các địa điểm quy định tại Điều 11, Điều 12, trừ điểm a khoản 1 Điều 12 của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012; không được bán thuốc lá phía ngoài cổng nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, viện nghiên cứu y học, bệnh viện, nhà hộ sinh, trung tâm y tế dự phòng, trạm y tế xã, phường, thị trấn trong phạm vi 100 mét (m) tính từ ranh giới khuôn viên gần nhất của cơ sở đó.

Điều 11. Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn

1. Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà và trong phạm vi khuôn viên bao gồm:

- a) Cơ sở y tế;
- b) Cơ sở giáo dục, trừ các cơ sở quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;
- c) Cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành riêng cho trẻ em;
- d) Cơ sở hoặc khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao.

2. Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà bao gồm:

- a) Nơi làm việc;
- b) Trường cao đẳng, đại học, học viện;
- c) Địa điểm công cộng, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 1 Điều 12 của Luật này.

3. Phương tiện giao thông công cộng bị cấm hút thuốc lá hoàn toàn bao gồm ô tô, tàu bay, tàu điện.

Điều 12. Địa điểm cấm hút thuốc lá trong nhà nhưng được phép có nơi dành riêng cho người hút thuốc lá

1. Địa điểm cấm hút thuốc lá trong nhà nhưng được phép có nơi dành riêng cho người hút thuốc lá bao gồm:

- a) Khu vực cách ly của sân bay;
- b) Quán bar, karaoke, vũ trường, khách sạn và cơ sở lưu trú du lịch;
- c) Phương tiện giao thông công cộng là tàu thủy, tàu hỏa.

2. Nơi dành riêng cho người hút thuốc lá phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

- a) Có phòng và hệ thống thông khí tách biệt với khu vực không hút thuốc lá;
- b) Có dụng cụ chứa các mẫu, tàn thuốc lá; có biển báo tại các vị trí phù hợp, dễ quan sát;
- c) Có thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

3. Khuyến khích người đứng đầu địa điểm quy định tại khoản 1 Điều này tổ chức thực hiện việc không hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà.

03. Thủ tục: *Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp huyện hoặc qua mạng điện tử (dịch vụ công trực tuyến)</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.</p> <p>Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc qua đường bưu điện hoặc Qua mạng điện tử (dịch vụ công trực tuyến)
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>* Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy hoàn toàn hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, hồ sơ đề nghị cấp lại bao gồm:</p> <p>- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép bán lẻ thuốc lá (theo mẫu);</p> <p>- Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).</p> <p>* Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá hết thời hạn hiệu lực: Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh.</p> <p>- Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới. (TTHC số 01, khoản I, mục B của Quyết định này).</p> <p>b/ Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời gian giải quyết:	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá
Cơ quan thực hiện:	UBND cấp huyện (Phòng kinh tế thành phố hoặc phòng kinh tế hạ tầng các huyện).
Kết quả:	Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Cấp lại)
Phí, Lệ phí:	<p>Phí thẩm định cấp Giấy phép:</p> <p>- Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định</p> <p>- Tại các huyện: Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 52 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018)

Yêu cầu, điều kiện:	<p>a) Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012; (<i>Chi tiết tại phụ lục kèm theo</i>).</p> <p>c) Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;</p> <p>d) Có yêu cầu cấp lại phép bán lẻ thuốc lá đã được cấp theo quy định.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/11/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương.

Phụ lục 52*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: PHÒNG CÔNG THƯƠNG (1)

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện:
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Phòng Công Thương (1)..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được Phòng Công Thương (1).....cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....(nếu có).
- 8....(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị Phòng Công Thương (1)..... xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do(2).....

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh

doanh thuốc lá. Nếu sai...⁽⁴⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)

(2): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

Phu lục:

Khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012. Cụ thể: Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được tổ chức, cho phép hoặc bán thuốc lá tại các địa điểm quy định tại Điều 11, Điều 12, trừ điểm a khoản 1 Điều 12 của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012; không được bán thuốc lá phía ngoài cổng nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, viện nghiên cứu y học, bệnh viện, nhà hộ sinh, trung tâm y tế dự phòng, trạm y tế xã, phường, thị trấn trong phạm vi 100 mét (m) tính từ ranh giới khuôn viên gần nhất của cơ sở đó.

Điều 11. Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn

1. Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà và trong phạm vi khuôn viên bao gồm:

- a) Cơ sở y tế;
- b) Cơ sở giáo dục, trừ các cơ sở quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;
- c) Cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành riêng cho trẻ em;
- d) Cơ sở hoặc khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao.

2. Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà bao gồm:

- a) Nơi làm việc;
- b) Trường cao đẳng, đại học, học viện;
- c) Địa điểm công cộng, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 1 Điều 12 của Luật này.

3. Phương tiện giao thông công cộng bị cấm hút thuốc lá hoàn toàn bao gồm ô tô, tàu bay, tàu điện.

Điều 12. Địa điểm cấm hút thuốc lá trong nhà nhưng được phép có nơi dành riêng cho người hút thuốc lá

1. Địa điểm cấm hút thuốc lá trong nhà nhưng được phép có nơi dành riêng cho người hút thuốc lá bao gồm:

- a) Khu vực cách ly của sân bay;
- b) Quán bar, karaoke, vũ trường, khách sạn và cơ sở lưu trú du lịch;
- c) Phương tiện giao thông công cộng là tàu thủy, tàu hỏa.

2. Nơi dành riêng cho người hút thuốc lá phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

- a) Có phòng và hệ thống thông khí tách biệt với khu vực không hút thuốc lá;
- b) Có dụng cụ chứa các mẫu, tàn thuốc lá; có biển báo tại các vị trí phù hợp, dễ quan sát;
- c) Có thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

3. Khuyến khích người đứng đầu địa điểm quy định tại khoản 1 Điều này tổ chức thực hiện việc không hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà.

04. Thủ tục: *Cấp Giấy phép bán lẻ rượu*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp huyện hoặc qua mạng điện tử (dịch vụ công trực tuyến)</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.</p> <p>Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc qua đường bưu điện hoặc dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu (<i>theo mẫu</i>). - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh. - Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ. - Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu. - 01 phong bì có tem, ghi rõ địa chỉ (hồ sơ nhận qua đường bưu điện). <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gửi Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Kinh tế; thương nhân lưu 01 bộ hồ sơ).</p>
Thời gian giải quyết:	10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)
Đối tượng thực hiện:	Thương nhân bán lẻ rượu
Cơ quan thực hiện:	UBND cấp huyện (<i>Phòng kinh tế thành phố hoặc phòng kinh tế hạ tầng các huyện</i>).
Kết quả:	Giấy phép kinh doanh bán lẻ rượu
Phí, Lệ phí:	<p>Phí thẩm định Giấy phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu (<i>Mẫu số 01-Nghị định Số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	a. Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh

	<p>doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.</p> <p>b. Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.</p> <p>c. Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

Mẫu số 01*(Nghị định Số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

(1)

Kính gửi: (2)

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do..... cấp ngày..... tháng năm

Đề nghị..... (2) xem xét cấp Giấy phép..... (1), cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu: (3)

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: (4)

Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau: (5)

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

Được phép bán lẻ rượu, tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

..... (5)

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố:

.....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

..... (5)

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

..... (6) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu,

Nghị định số .../2020/NĐ-CP ngày...tháng.... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾ : Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu

⁽²⁾ : Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾ : Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾ : Ghi công suất thiết kế, đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

⁽⁵⁾ : Ghi rõ tên, địa chỉ.

⁽⁶⁾ : Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

05. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung Cấp Giấy phép bán lẻ rượu

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp huyện hoặc qua mạng điện tử (dịch vụ công trực tuyến)</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc qua đường bưu điện hoặc dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao Giấy phép đã được cấp; - Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung - 01 phong bì có tem, ghi rõ địa chỉ (hồ sơ nhận qua đường bưu điện). <p>b/ Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gửi Phòng Kinh tế hạ tầng huyện hoặc Phòng Kinh tế thành phố; thương nhân lưu 01 bộ hồ sơ).</p>
Thời gian giải quyết:	7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Thương nhân bán lẻ rượu
Cơ quan thực hiện:	UBND cấp huyện (<i>Phòng kinh tế thành phố hoặc phòng kinh tế hạ tầng các huyện</i>).
Kết quả:	Giấy phép bán lẻ rượu (Cấp sửa đổi, bổ sung)
Phí, Lệ phí:	<p>Phí thẩm định Giấy phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu (<i>Mẫu số 02 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> a. Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật. b. Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng. c. Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương

	nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none">- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

Mẫu số 02*(Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép ... (1)...

Kính gửi: (2)

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.....

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số , do cấp ngày tháng..... năm

Giấy phép..... (1) ... đã được cấp số... do cấp ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép (1) đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày..... tháng năm (3) đề nghị (2)xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép..... (1), với lý do cụ thể như sau:

1. Sửa đổi:

Thông tin cũ:

Thông tin mới: (4)

2. Bổ sung: (4)

..... (3) xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số .../2020/NĐ-CP ngày...tháng.... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

(1) : Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

(2) : Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3) : Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4) : Nội dung sửa đổi, bổ sung.

06. Thủ tục: *Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp huyện hoặc qua mạng điện tử (dịch vụ công trực tuyến)</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.</p> <p>Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc qua đường bưu điện hoặc dịch vụ công trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>* <i>Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:</i> Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày.</p> <p>- Trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần, số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết, đối tượng thực hiện thủ tục hành chính cấp lại đối với quy định tại trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới. (<i>TTHC số 04, khoản I, mục B của quyết định này</i>).</p> <p>* <i>Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:</i></p> <p>- Đơn đề nghị cấp lại (<i>theo mẫu</i>).</p> <p>- Bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có);</p> <p>- 01 phong bì có tem, ghi rõ địa chỉ (hồ sơ nhận qua đường bưu điện).</p> <p>Ghi chú:</p> <p>+ <i>Cơ quan cấp giấy phép căn cứ vào hồ sơ đã lưu và hồ sơ đề nghị cấp lại của thương nhân để cấp lại giấy phép;</i></p> <p>+ <i>Thời hạn của giấy phép sẽ được giữ nguyên như cũ.</i></p> <p>b/ Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gửi Phòng Kinh tế hạ tầng huyện hoặc Phòng Kinh tế thành phố; thương nhân lưu 01 bộ hồ sơ);</p>
Thời gian giải quyết:	7 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)
Đối tượng thực hiện:	Thương nhân bán lẻ rượu
Cơ quan thực hiện:	UBND cấp huyện (<i>Phòng kinh tế thành phố hoặc phòng kinh tế hạ tầng các huyện</i>).
Kết quả:	Giấy phép bán lẻ rượu (Cấp lại)

Phí, Lệ phí:	Phí thẩm định Giấy phép: - Tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các huyện: Hộ kinh doanh, cá nhân: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu (<i>Mẫu số 03 - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	a. Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật. b. Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng. c. Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.
Căn cứ pháp lý:	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

Mẫu số 03

Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại giấy phép⁽¹⁾
(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)

Kính gửi:.....⁽²⁾

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: Điện thoại: Fax:

.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do cấp ngày ... tháng... năm ...;

Giấy phép⁽¹⁾ đã được cấp số.... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép.....⁽¹⁾đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày..... tháng năm

.....⁽³⁾ đề nghị⁽²⁾ xem xét cấp lại Giấy phép.....⁽¹⁾, với lý do cụ thể như sau:.....

.....⁽³⁾ xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực | hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số/2020/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾ : Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh phân phối rượu/bán buôn rượu bán lẻ rượu.

⁽²⁾ : Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾ : Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾ : Lý do xin cấp lại.

07. Thủ tục: Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (<i>phòng Kinh tế thành phố hoặc phòng Kinh tế hạ tầng các huyện</i>)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật). <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Kinh tế xem xét và cấp Giấy phép cho thương nhân; - Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày, làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung; - Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. <p>Lập và Lưu giữ: Giấy phép được làm thành 04 bản: 02 bản lưu tại cơ quan cấp phép, 01 bản gửi cơ sở được cấp giấy phép, 01 bản gửi Sở Công Thương.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (<i>phòng Kinh tế thành phố hoặc phòng Kinh tế hạ tầng các huyện</i>) hoặc qua đường Bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).
Cách thức thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Qua bưu điện; - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (<i>phòng Kinh tế thành phố hoặc phòng Kinh tế hạ tầng các huyện</i>); - Hoặc nộp trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh. - Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm. - Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất. <p>b/ Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời gian giải quyết:	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật
Cơ quan thực hiện:	Phòng Kinh tế thành phố hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND huyện, thành phố.

Kết quả:	Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
Phí, Lệ phí:	Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp mới giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Mức thu: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (<i>Mẫu 01 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật. - Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia;</i> - <i>Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ.</i> - <i>Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.</i>

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

(1)

Kính gửi: (2)

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị (2) xem xét cấp Giấy phép (1), cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu: (3)

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: (4)

Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau: (5)

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:.....

Được phép bán lẻ rượu, tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

(5)

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố:

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:..... (5)

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

(6)

..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số .../2020/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh

vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))

Chú thích:

- (1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu
- (2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.
- (3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).
- (5): Ghi rõ tên, địa chỉ.
- (6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

08. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (<i>phòng Kinh tế thành phố hoặc phòng Kinh tế hạ tầng các huyện</i>) hoặc qua đường Bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép. Trường hợp từ chối cấp sửa đổi, bổ sung phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (<i>phòng Kinh tế thành phố hoặc phòng Kinh tế hạ tầng các huyện</i>) hoặc qua đường Bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p>
Cách thức thực hiện:	<p>- Qua bưu điện</p> <p>- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (<i>phòng Kinh tế thành phố hoặc phòng Kinh tế hạ tầng các huyện</i>).</p> <p>- Nộp trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng)</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>- Bản sao giấy phép đã được cấp;</p> <p>- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</p> <p>b/ Số lượng: 01 bộ</p>
Thời gian giải quyết:	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Thương nhân
Cơ quan thực hiện:	Phòng Kinh tế thành phố hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND huyện, thành phố.
Kết quả:	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.
Phí, Lệ phí:	Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Mức thu: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (<i>Mẫu số 02 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.</p>
Căn cứ pháp lý:	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia;

	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ.- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.
--	---

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép ... (1)...

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:
Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:
Địa điểm sản xuất/kinh doanh:
Điện thoại:Fax:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số.....do..... cấp ngàytháng..... năm.....;
Giấy phép⁽¹⁾..... đã được cấp số..... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ...
Giấy phép⁽¹⁾..... đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) sốdo..... cấp ngày..... tháng..... năm
.....⁽³⁾..... đề nghị⁽²⁾.....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép.....⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:
1. Sửa đổi:
Thông tin cũ:
Thông tin mới:⁽⁴⁾.....
2. Bổ sung:⁽⁴⁾.....
.....⁽³⁾..... xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số .../2020/NĐ-CP ngày...tháng.... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

09. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (<i>phòng Kinh tế thành phố hoặc phòng Kinh tế hạ tầng các huyện</i>).</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, phòng Kinh tế thành phố hoặc phòng Kinh tế hạ tầng các huyện có văn bản yêu cầu bổ sung.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (<i>phòng Kinh tế thành phố hoặc phòng Kinh tế hạ tầng các huyện</i>) hoặc qua đường Bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30' và buổi chiều từ 13h30' đến 16h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p>
Cách thức thực hiện:	<p>- Qua bưu điện</p> <p>- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (<i>phòng Kinh tế thành phố hoặc phòng Kinh tế hạ tầng các huyện</i>).</p> <p>- Nộp trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng)</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>* <i>Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:</i> Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày.</p> <p>- Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại đối với trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới. (<i>TTHC số 07, khoản I, mục B quyết định này</i>).</p> <p>* <i>Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:</i></p> <p>- Đơn đề nghị cấp lại (<i>theo mẫu</i>)</p> <p>- Bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có);</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời gian giải quyết:	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Thương nhân
Cơ quan thực hiện:	Phòng Kinh tế thành phố hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND huyện, thành phố.
Kết quả:	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.
Phí, Lệ phí:	Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Mức thu: 1.100.000 đồng/lần thẩm định /hồ sơ
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép (<i>mẫu số 03 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020</i>).

Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật. - Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại giấy phép(1).....
(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:..... Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày... tháng... năm...;

Giấy phép⁽¹⁾..... đã được cấp số.... do ... cấp ngày ... tháng... năm ...

Giấy phép...⁽¹⁾.....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do..... cấp ngày..... tháng..... năm

.....⁽³⁾..... đề nghị⁽²⁾..... xem xét cấp lại Giấy phép⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:⁽⁴⁾..

.....⁽³⁾.....xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số/2020/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Lý do xin cấp lại.